



VNU Journal of Science: Policy and Management Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/PaM>



Original Article

The Legal Landscape of Patent for Innovative Startup Enterprises in Vietnam

Nguyen Nhu Ha, Dang Minh Phuong*

*Academy of Policy and Development, Ministry of Finance,
Urban Area Nam An Khanh, Hoai Duc, Hanoi, Vietnam*

Received 18th September 2024

Revised 3rd March 2025; Accepted 20th March 2025

Abstract: In the contemporary context, innovation is widely recognized as a pertinent strategy for achieving global and domestic sustainable development goals. The cultivation of a cohort of innovative startup enterprises has the potential to drive technological transitions, thereby aligning with both economic and sustainable development targets. However, innovative startup enterprises are encountering challenges within the intellectual property protection framework, particularly regarding patent protection – which should ideally serve as an effective safeguard for innovation. This study assesses the importance of patent protection laws for innovative startup enterprises in Vietnam, identifies deficiencies within the legal provisions, and proposes several recommendations for remediation.

Keyword: Innovative startup enterprises, invention, patent.

* Corresponding author.

E-mail address: minhphuong250990@apd.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4517>

Thực trạng pháp luật bảo hộ sáng chế đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam

Nguyễn Như Hà, Đặng Minh Phương*

Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Tài chính, Khu đô thị Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 18 tháng 9 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 03 tháng 03 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 03 năm 2025

Tóm tắt: Đổi mới sáng tạo đang là cách tiếp cận phù hợp nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu và trong nước hiện nay. Sự phát triển của nhóm các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo sẽ thúc đẩy sự chuyển dịch của công nghệ, song hành cùng mục tiêu kinh tế và mục tiêu phát triển bền vững. Tuy nhiên, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đang gặp phải những vướng mắc trong cơ chế bảo hộ sở hữu trí tuệ (SHTT) nói chung và bảo hộ sáng chế nói riêng – vốn dĩ phải là công cụ bảo vệ đặc lực của đổi mới sáng tạo. Bài nghiên cứu dưới đây đánh giá tầm quan trọng của pháp luật bảo hộ sáng chế đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam, những bất cập trong các quy định pháp luật và đề xuất một số khuyến nghị khắc phục.

Từ khoá: Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, sáng chế, bằng độc quyền sáng chế.

1. Đặt vấn đề

Chương trình Nghị sự 2030 với 17 mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals – SDGs) đã được 193 nước thành viên của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua nhằm chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo sự thịnh vượng cho tất cả mọi người. Sự hợp tác giữa Chính phủ và các thiết chế kinh tế như doanh nghiệp sẽ liên kết các Mục tiêu phát triển bền vững với giá trị thương mại và/hoặc xã hội. Doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào quá trình tạo ra sản phẩm, dịch vụ hoặc quy trình giảm tác hại, tác động và suy thoái môi trường, tiếp cận với người tiêu dùng, tối ưu hoá việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên bằng việc ứng dụng khoa học, công nghệ. Những doanh nghiệp như vậy được gọi với cái tên doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là chủ thể tích cực trực tiếp tác động đến hiệu quả thực hiện các Mục tiêu số 2, 3, 6, 7, 8, 9, 11, 12,

13, 14, 15. Do đó, việc nghiên cứu đánh giá khung pháp lý nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là rất cần thiết.

Tác giả sử dụng hai phương pháp chủ yếu là phân tích và so sánh. Phương pháp phân tích được áp dụng cho toàn bộ bài nghiên cứu. Phương pháp so sánh được sử dụng khi tác giả nghiên cứu một số quy định của pháp luật quốc tế, từ đó đưa ra xem xét, nhận định đối với pháp luật Việt Nam.

2. Khái quát chung về doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo dưới góc độ pháp lý và vai trò của pháp luật bảo hộ sáng chế đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

2.1. Khái quát chung về doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo dưới góc độ pháp lý

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được coi là động lực phát triển mới của nền kinh tế. Ở góc

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: minhphuong250990@apd.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4517>

độ pháp lý, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo chính thức được nhắc đến trong một văn bản pháp luật là Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025. Tuy không có định nghĩa cụ thể nhưng Quyết định số 844/QĐ-TTg đã xác định đặc điểm cơ bản của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là *“loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới”*. Đây cũng đồng thời là điểm khác biệt cơ bản giữa doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp thông thường. Thông tư số 01/2018/TT-BKHCN ngày 12/4/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” quy định tại khoản 1 Điều 2: *“Doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu”*. Thuật ngữ được luật hoá định nghĩa tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 tại Điều 3: *“Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh”* và cụ thể hoá tại Điều 20 Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Trước khi thuật ngữ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo xuất hiện, cũng đã có những khái niệm tương đồng như doanh nghiệp khoa học công nghệ quy định tại Luật Khoa học và Công nghệ, là doanh nghiệp thực hiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khoa học và công nghệ để tạo ra sản phẩm, hàng hoá từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Điều 58); hoặc doanh nghiệp công nghệ cao quy định tại Luật Công nghệ cao, là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao, có hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao (Điều 3). Mỗi loại doanh nghiệp

đặc thù lại có tiêu chí xác định khác nhau, nhưng lại chồng lấn ở một điểm chung là yếu tố nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, quy trình, ý tưởng mới để tạo ra sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho doanh nghiệp và khách hàng. Mỗi loại doanh nghiệp đặc thù lại có tiêu chí xác định khác nhau, nhưng lại chồng lấn ở một điểm chung là yếu tố nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, quy trình, ý tưởng mới để tạo ra sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho doanh nghiệp và khách hàng.

Trong những năm qua, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo của Việt Nam có những bước phát triển, thể hiện thông qua những con số thống kê như sau:

- Tính đến hết năm 2022, cả nước đã cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ cho 712 doanh nghiệp, tăng 76 doanh nghiệp so với năm 2021. Các doanh nghiệp khoa học công nghệ được cấp giấy chứng nhận có kết quả khoa học và công nghệ thuộc hầu hết các lĩnh vực công nghệ được khuyến khích phát triển, trong đó chủ yếu là công nghệ sinh học (39,9%), công nghệ tự động hoá (25,5%), công nghệ thông tin (17%), vật liệu mới (10%) [1];

- Chất lượng của các doanh nghiệp khởi nghiệp ngày càng tăng cao, thu hút được sự quan tâm từ phía các nhà đầu tư. Lượng vốn được công bố đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đạt 634 triệu USD năm 2022, đạt 413 triệu USD trong nửa đầu năm 2023 [2], dự kiến đến hết năm 2025 đạt 5 tỷ USD;

- Về sáng chế, theo thống kê của Cục SHTT, số lượng đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích luôn tăng qua từng năm, năm 2022 là 9.308 đơn, tăng 1,9 % so với năm 2021, năm 2023 là 10.295 đơn, tăng mạnh lên 10,6% so với năm 2022 [3, 4];

Theo Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index 2024 - GII), do Tổ chức SHTT Thế giới (WIPO) công bố, năm 2024 Việt Nam xếp hạng 44/133 quốc gia, nền kinh tế, tăng 02 bậc so với năm 2023 [5].

Khả năng tăng trưởng nhanh của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo xuất phát từ khai thác tài sản trí tuệ, do đó, khung pháp luật về

SHTT nói chung và pháp luật bảo hộ sáng chế nói riêng sẽ đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

2.2. Vai trò của pháp luật bảo hộ sáng chế đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Theo WIPO, sáng chế (invention) được định nghĩa đơn giản là “sản phẩm hoặc quy trình mới nhằm giải quyết một vấn đề kỹ thuật”; bằng độc quyền sáng chế (patent) “là một văn bằng do quốc gia cấp dựa trên cơ sở đơn yêu cầu bảo hộ, trong đó mô tả một sáng chế và thiết lập một điều kiện pháp lý mà theo đó sáng chế đã được cấp bằng độc quyền chỉ có thể được khai thác một cách bình thường (sản xuất, sử dụng, bán, nhập khẩu) với sự cho phép của chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế”. Theo Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền SHTT 1994 (TRIPS) cũng không định nghĩa patent, thay vào đó TRIPS đưa ra các tiêu chuẩn để một sáng chế được bảo hộ, quy định tại khoản 1 Điều 27 Hiệp định. Một trong những lợi ích chính của hệ thống bằng độc quyền sáng chế đối với chủ sở hữu là sự bảo vệ pháp lý mà nó cung cấp cho các sáng tạo của họ. Khi một chủ thể được cấp bằng độc quyền sáng chế, điều đó đồng nghĩa với việc chủ sở hữu có quyền độc quyền đối với sáng chế của mình, ngăn chặn người khác sao chép, sử dụng hoặc bán sáng chế mà không có sự cho phép của họ. Sự bảo vệ pháp lý này cho phép các doanh nghiệp bảo vệ sự sáng tạo và mang lại lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Bên cạnh đó, hệ thống bằng độc quyền sẽ tạo niềm tin cho doanh nghiệp khi đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) – vốn dĩ tiêu tốn nhiều chi phí. Đồng thời sự bảo vệ pháp lý mà bằng độc quyền sáng chế đem lại cũng đóng vai trò như một biện pháp ngăn chặn đối với các đối thủ cạnh tranh, hạn chế những sáng tạo tương tự tham gia thị trường. Sự độc quyền trong một khoảng thời gian nhất định và hợp lý sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp mới hình thành như doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, một khoảng thời gian trong đó họ có thể thiết lập vị thế thị trường, chiếm lĩnh thị phần và tạo ra lợi nhuận từ khoản đầu tư vào R&D. Tầm quan trọng của pháp luật bảo hộ sáng chế xuất phát từ chính

những lợi ích mà sáng chế đem lại cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo:

i) Thứ nhất, khuyến khích đổi mới. Theo một nghiên cứu của Văn phòng Sáng chế và Nhãn hiệu Hoa Kỳ, chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế có xu hướng tham gia nhiều hơn vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển bổ sung. Tại Hoa Kỳ, các công ty sở hữu bằng độc quyền sáng chế được ước tính đầu tư vào nghiên cứu và phát triển nhiều gấp ba lần so với những công ty không có bằng độc quyền sáng chế [6];

ii) Thứ hai, khả năng thu hút đầu tư. Theo WIPO thì các công ty khởi nghiệp có bằng độc quyền sáng chế có khả năng nhận được vốn đầu tư mạo hiểm cao hơn. Bằng độc quyền sáng chế được coi là tài sản có giá trị, có thể tăng khả năng thu hút đầu tư cho các công ty khởi nghiệp và doanh nghiệp nhỏ [7]. Đồng thời, sáng chế được cấp patent đã trở thành một nguồn thu nhập đáng kể cho nhiều công ty, với doanh thu toàn cầu từ việc khai thác sáng chế đạt 180 tỷ đô la vào năm 2019. Việc khai thác sáng chế thông qua chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế cho phép các doanh nhân tạo ra thu nhập mà không cần phải sản xuất hoặc bán sản phẩm;

Các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thường xuất phát từ doanh nghiệp nhỏ và vừa, bởi vậy khó có đủ nguồn lực hoặc khả năng để thương mại hóa hoàn toàn các sáng chế của mình, nhưng bằng cách chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp cho các công ty lớn hơn, họ có thể tạo ra doanh thu và tận dụng chuyên môn cũng như nguồn lực của các đối tác cấp phép để đưa sáng chế ra thị trường. Điều này cho phép các doanh nghiệp khởi nghiệp kiếm tiền từ sáng chế của mình mà không cần đầu tư lớn vào sản xuất, phân phối hoặc tiếp thị, đặc biệt là các doanh nghiệp đang thiếu vốn;

iii) Thứ ba, tăng vị thế thị trường và lợi thế cạnh tranh. Theo Văn phòng Sáng chế Châu Âu (EPO), các công ty có bằng độc quyền sáng chế có khả năng đạt được vị thế thị trường mạnh mẽ và chiếm lĩnh thị phần lớn hơn. Bằng độc quyền sáng chế cung cấp cho chủ sở hữu sự độc quyền, cho phép họ khác biệt hóa so với các đối thủ cạnh tranh và thiết lập lợi thế cạnh tranh [8]. Đối với

các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, việc có được một bằng độc quyền sáng chế có thể là một tài sản quan trọng, tăng giá trị cho doanh nghiệp và nâng cao vị thế cạnh tranh. Một sáng chế được cấp patent có thể chứng minh tính độc đáo và sáng tạo của sản phẩm hoặc công nghệ, mang lại lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ. Nó cũng có thể là một công cụ đàm phán có giá trị trong các cuộc thương thảo với nhà đầu tư tiềm năng, đối tác hoặc người mua lại, vì nó chứng minh giá trị của doanh nghiệp và tiềm năng tăng trưởng và thành công.

Ngoài ra, hệ thống bằng độc quyền sáng chế còn đóng vai trò như một biện pháp ngăn chặn các hành vi vi phạm. Khi sở hữu patent, doanh nghiệp có quyền hợp pháp để thực thi quyền độc quyền và khởi kiện chống lại bất kỳ ai vi phạm bằng độc quyền sáng chế của mình. Điều này có thể ngăn chặn các đối thủ cạnh tranh sao chép hoặc bắt chước công nghệ đã được bảo hộ, bảo vệ thị phần và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

3. Thực trạng quy định pháp luật bảo hộ sáng chế đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam

Như đã trình bày ở trên, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có khả năng tăng trưởng dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, trong đó có sáng chế. Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 cũng đặt ra yêu cầu về việc Nhà nước có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp (khoản 1 Điều 12). Tuy nhiên, trong Bảng xếp hạng Chỉ số Quyền Sở hữu Quốc tế (IPRI) năm 2024, Việt Nam chỉ đứng thứ 85 trên thế giới (trong số 129 quốc gia), giảm so với năm 2022 (thứ 82), năm 2023 (thứ 84) và xếp thứ 7 trong khu vực ASEAN (trong 7 quốc gia ASEAN được xếp hạng năm 2024) [9]. Một trong những nguyên nhân đến từ chính sách bảo hộ sáng chế tại Việt Nam hiện nay.

Thứ nhất, sự thay đổi trong các quy định pháp luật. Luật SHTT năm 2005 đã qua 03 lần sửa đổi bổ sung vào các năm 2009, 2019 và 2022, trong đó nội dung các quy định về bảo hộ

sáng chế đã được xây dựng cơ bản tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, tiêu biểu như Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp năm 1883, Hiệp định TRIPS, điều chỉnh các quan hệ sáng chế phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như điều kiện kinh tế - xã hội trong nước. Tuy nhiên với việc Việt Nam tham gia 02 Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới là CPTPP (Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương), EVFTA (Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam) thì khung pháp luật về SHTT nói chung và bảo hộ sáng chế nói riêng đang đứng trước những yêu cầu mới bởi các hiệp định này yêu cầu các quốc gia thành viên cam kết ở mức độ cao hơn trong thực thi bảo hộ quyền SHTT. Chẳng hạn, EVFTA bao gồm một chương đáng kể về quyền SHTT mà Việt Nam cam kết ở mức độ cao về bảo hộ, hơn so với chuẩn mực của Hiệp định TRIPS; hay CPTPP với yêu cầu về tiêu chí bảo hộ sáng chế (Điều 18.37), mở rộng phạm vi bảo hộ đối với sáng chế dạng sử dụng (khoản 2 Điều 18.37). Điều này dẫn đến những điều kiện cơ bản về đối tượng, phạm vi bảo hộ sáng chế sẽ có những ảnh hưởng nhất định.

Thứ hai, vấn đề khai thác thương mại sáng chế. Việc góp vốn bằng tài sản là quyền SHTT đối với sáng chế, quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Doanh nghiệp năm 2020 bắt buộc chủ thể góp vốn phải là chủ sở hữu hợp pháp đối với sáng chế. Điều này đã được cụ thể hoá tại Thông tư số 37/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Thẩm định giá tài sản vô hình, tại Điều 1 phạm vi điều chỉnh (trước đó là Thông tư số 06/2014/TT-BTC). Theo đó, tài sản vô hình phải xác định được và thỏa mãn đầy đủ các điều kiện, trong đó yêu cầu phải “có bằng chứng hữu hình về sự tồn tại của tài sản vô hình” – tức đối với sáng chế phải có văn bằng bảo hộ. Cách quy định này đã triệt tiêu khả năng góp vốn của chủ sở hữu sáng chế đang trong giai đoạn thẩm định đơn, do không có khả năng sử dụng quyền này để góp vốn thành lập doanh nghiệp khi chưa có văn bằng bảo hộ công nhận quyền sở hữu hợp pháp của chủ thể đối với sáng chế. Bất cập này khiến cho nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp sáng

tạo khó có thể tận dụng giá trị của sáng chế, bù đắp kinh phí R&D.

Thứ ba, liên quan đến quy định chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế. Quy định về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây là cơ chế thúc đẩy việc tối đa hoá lợi ích của sáng chế, giá trị thương mại của sáng chế - với tư cách là một loại hàng hoá đặc biệt, được khai thác tối đa. Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, việc chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp là cơ hội để các công nghệ, sản phẩm sáng tạo được áp dụng trong thực tế, đem lại lợi ích cho chủ sở hữu, bên nhận chuyển giao cũng như cộng đồng.

Theo quy định của Luật SHTT, chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế bao gồm: i) chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế; ii) chuyển quyền sử dụng sáng chế. Theo Điều 138 Luật SHTT thì chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế là việc chủ sở hữu sáng chế chuyển giao quyền sở hữu của mình cho tổ chức, cá nhân khác; việc chuyển nhượng phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế chỉ có hiệu lực khi đã được đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp là Cục SHTT (Khoản 1 Điều 148 Luật SHTT). Theo Điều 141 Luật SHTT thì chuyển quyền sử dụng sáng chế (đối tượng sở hữu công nghiệp) là việc chủ sở hữu sáng chế cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng sáng chế thuộc phạm vi quyền sử dụng của mình; việc chuyển quyền sử dụng sáng chế phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản. Hợp đồng chuyển quyền sử dụng sáng chế phải đăng ký tại Cục SHTT mới có giá trị pháp lý đối với bên thứ ba (Khoản 3 Điều 148 Luật SHTT).

Tuy nhiên trên thực tế, việc thực hiện chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế đang gặp phải những vướng mắc nhất định từ các quy định pháp luật. Thông thường, chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế có thể là một bộ phận của hợp đồng CGCN, do đó chịu sự điều chỉnh của hai văn bản quy phạm pháp luật là Luật SHTT và Luật Chuyển giao

công nghệ (CGCN). Hợp đồng CGCN phải được lập thành văn bản hoặc hình thức khác được coi là giao dịch bằng văn bản (Điều 22 Luật CGCN); trường hợp việc CGCN là chuyển giao quyền SHTT thì phải được thể hiện dưới hình thức hợp đồng hoặc điều, khoản, phụ lục của hợp đồng hoặc của hồ sơ dự án đầu tư. Nói cách khác, bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao sáng chế phải thiết lập ít nhất 02 hợp đồng: hợp đồng chính CGCN và hợp đồng phụ về chuyển giao quyền SHTT và phải đăng ký tại Cục SHTT. Ngoài ra, trường hợp CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc từ Việt Nam ra nước ngoài thì hợp đồng CGCN còn phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ/ Sở Khoa học và Công nghệ). Các quy định trên vô hình chung đã gia tăng nhiều thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện pháp luật. Sáng chế để có thể thuộc về bên nhận chuyển giao một cách hợp pháp phải trải qua nhiều công đoạn và tại (ít nhất) 02 cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Thứ tư, quy trình đăng ký bảo hộ patent còn kéo dài thường tối thiểu 2 năm (chưa tính thời hạn khiếu nại) [10]. Điều này có nguy cơ tác động tiêu cực đến khả năng khai thác giá trị của sáng chế. Ở cấp độ quốc tế, sáng chế với bản chất là một quyền SHTT cho nên bị giới hạn bởi yếu tố lãnh thổ - có nghĩa là sáng chế chỉ được bảo hộ độc quyền trong phạm vi quốc gia cấp văn bằng bảo hộ. Điều này dẫn đến sáng chế có nguy cơ bị khai thác tự do tại quốc gia khác, nơi sáng chế chưa được đăng ký bảo hộ. Trong nỗ lực bảo vệ thành quả sáng chế, các quốc gia đã ký kết hoặc gia nhập Hiệp ước Hợp tác sáng chế (Patent Cooperation Treaty – PCT). Theo PCT, công dân, tổ chức của quốc gia là thành viên Hiệp ước chỉ cần lập một hồ sơ đăng ký sáng chế duy nhất (đơn quốc tế) gửi tới cơ quan sáng chế của nước thành viên Hiệp ước hoặc tới văn phòng đăng ký quốc tế với tư cách là cơ quan nhận đơn. Dựa trên chỉ định trong tờ khai, đơn xin cấp patent của họ sẽ được tự động gửi tới tất cả các quốc gia là thành viên PCT [11]. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất mà PCT chưa thể khắc phục đó chính là thời gian thẩm định đơn đăng ký sáng chế (bao gồm thẩm định về nội dung và thẩm định về hình

thức) bởi điều này hoàn toàn phụ thuộc vào cơ quan cấp phép của nước nhận đơn.

Thứ năm, khó khăn trong cơ chế bảo hộ SHTT - công cụ bảo vệ đặc lực của đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp. Thực trạng xâm phạm quyền SHTT còn diễn ra phổ biến, khiến cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo lo lắng tài sản trí tuệ dễ dàng bị sao chép và sử dụng trái phép (đặc biệt là sáng chế), điều này dẫn đến khoản chi phí đầu tư cho hoạt động đổi mới sáng tạo khó có thể thu hồi khi việc khai thác tài sản trí tuệ không còn hiệu quả. Đồng thời, nguy cơ các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cất giấu các sáng tạo hoặc tìm phương án bảo hộ khác như bí mật kinh doanh sẽ ảnh hưởng tới việc phổ biến công nghệ, khiến yếu tố lợi ích cộng đồng bị giảm đi đáng kể.

4. Một số khuyến nghị

Nhà nước nói chung và Chính phủ nói riêng đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thông qua các công cụ chính sách. Từ quan điểm của Đảng tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030, các nội dung về doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đã được lồng ghép vào các văn bản chính sách, là cơ sở pháp lý cho hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và gắn chặt với phát triển tài sản trí tuệ. Điển hình:

i) Quyết định 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đặt ra mục tiêu “Đến năm 2030, số doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp khoa học và công nghệ và số doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tăng hai lần so với năm 2020; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 40% trong tổng số doanh nghiệp” nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và tăng cường khả năng đổi mới sáng tạo quốc gia;

ii) Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược SHTT đến năm 2030 cũng đề ra mục tiêu cải thiện vượt bậc các chỉ số về SHTT của Việt Nam trong chỉ số đổi mới sáng

tạo toàn cầu với số lượng đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm, hoạt động khai thác, thương mại hóa tài sản trí tuệ được chú trọng, đẩy mạnh; tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại đạt 8 - 10% số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ.

Qua đó, một lần nữa khẳng định tính cấp thiết trong hoàn thiện hệ thống pháp luật SHTT (bao hàm cả chế định sáng chế) đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Thứ nhất, rà soát, hệ thống và đồng bộ pháp luật điều chỉnh sáng chế nhằm giảm tải các quy định chồng lấn, đặc biệt là các yêu cầu về điều kiện có hiệu lực của giao dịch. Có thể thấy nhiều đạo luật điều chỉnh trực tiếp đến sáng chế và hoạt động chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế bên cạnh Luật SHTT như Bộ luật dân sự (vấn đề hợp đồng, giao dịch đảm bảo), Luật CGCN, Luật Thương mại,... trong đó có nhiều trường hợp phải đăng ký giao dịch trong quan hệ chuyển giao sáng chế. Đương nhiên việc quy định như vậy nhằm đảm bảo yếu tố quản lý cũng như sự ổn định giao dịch. Tuy nhiên, với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và cơ chế tạo thuận lợi, nên cân nhắc việc bỏ bớt khâu đăng ký đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế và hợp đồng chuyển quyền sử dụng sáng chế có hiệu lực với bên thứ ba. Theo đó, trường hợp hợp đồng CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam/từ Việt Nam ra nước ngoài bao gồm cả việc chuyển giao sáng chế thì chỉ cần đăng ký tại Cục SHTT. Điều này sẽ tạo động lực cho các nhà sáng chế, hoạt động R&D trong nước và xây dựng môi trường thuận lợi, thu hút CGCN cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Thứ hai, hoàn thiện các quy định về góp vốn bằng quyền SHTT đối với sáng chế, trong đó khoản 2 Điều 34 Luật Doanh nghiệp năm 2020 bổ sung quy định về việc chủ sở hữu hợp pháp hoặc chủ thể có quyền sử dụng hợp pháp đối với sáng chế được phép góp vốn khi sáng chế đang trong quá trình thẩm định đơn.. Chủ thể có quyền sử dụng hợp pháp đối với sáng chế, theo Điều 124 Luật SHTT, được hiểu là cá nhân, tổ chức có quyền thực hiện các hành vi sau đây: i) Sản xuất sản phẩm được bảo hộ; ii) Áp dụng quy

trình được bảo hộ; iii) Khai thác công dụng của sản phẩm được bảo hộ hoặc sản phẩm được sản xuất theo quy trình được bảo hộ; và iv) Lưu thông, quảng cáo, chào hàng, tàng trữ để lưu thông sản phẩm. Tuy nhiên, trường hợp chủ thể có quyền sử dụng hợp pháp sáng chế đòi hỏi đó là quyền sử dụng độc quyền, nhằm giảm tối đa rủi ro phát sinh tranh chấp và bảo toàn giá trị của tài sản góp vốn.

Thứ ba, xây dựng một cơ chế thẩm định nhanh patent cho sáng chế.

Cơ chế thẩm định nhanh patent dựa trên Chương trình thẩm định nhanh sáng chế (Patent Prosecution Highway – PPH). PPH chính là sự thoả thuận hợp tác, trao đổi thông tin thẩm định sáng chế giữa các Văn phòng đăng ký sáng chế của các quốc gia. Nếu đơn đăng ký sáng chế đã được thẩm định tại một quốc gia thành viên thì cơ quan đăng ký của quốc gia còn lại có thể dựa vào kết quả đã thẩm định để rút ngắn thời gian cấp patent tại nước mình [12]. Mục đích của PPH là tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp đơn có được bằng độc quyền sáng chế ở giai đoạn đầu trên toàn thế giới và tăng cường việc sử dụng các kết quả tra cứu và thẩm định giữa các Cơ quan SHTT để giảm bớt gánh nặng thẩm định và nâng cao chất lượng thẩm định. PPH chia thành nhiều cấp độ, có thể là thoả thuận hợp tác song phương hoặc đa phương (ví dụ như chương trình Global PPH với sự tham gia của nhiều Văn phòng đăng ký sáng chế). Kết quả của việc áp dụng PPH khá khả quan khi thống kê cho thấy: tại Anh, khoảng thời gian trung bình từ nộp đơn xin cấp bằng độc quyền sáng chế đến cấp patent giảm 75% xuống còn 09 tháng đối với các đơn qua PPH, Canada giảm 68% xuống chỉ còn 2,5 năm, Hoa Kỳ giảm 42% [13].

Ở cấp độ song phương, Việt Nam đã ký kết thoả thuận hợp tác thí điểm Chương trình thẩm định nhanh đơn sáng chế PPH với Nhật Bản (từ năm 2018) và Hàn Quốc (từ năm 2019) [14], chương trình thí điểm đã tiếp tục được gia hạn triển khai 2 lần. Tuy nhiên, chương trình PPH với hai quốc gia đều giới hạn số lượng yêu cầu mỗi năm sẽ không vượt quá 100 từ mỗi Văn phòng. Trong khi chỉ tính riêng số lượng đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích nộp cho

Cục SHTT Việt Nam từ Nhật Bản, Hàn Quốc trung bình hơn 1000 đơn/quốc gia/năm (Năm 2023: Nhật Bản là 1608 đơn, Hàn Quốc là 1073 đơn) [4]. Bên cạnh đó, Trung Quốc, Hoa Kỳ và EU cũng là các thiết chế có lượng đơn đăng ký sáng chế khá lớn tại Việt Nam nhưng việc đăng ký vẫn hoàn toàn chỉ theo cơ chế của Hiệp ước PCT mà chưa có thoả thuận PPH. Do đó, cần thúc đẩy hơn nữa sự hợp tác từ hai cơ quan quản lý nhà nước về sáng chế của các bên.

Ở cấp độ đa phương, Việt Nam đã tham gia Chương trình Hợp tác Thẩm định Sáng chế ASEAN, hợp tác về thẩm định sáng chế đầu tiên trong khu vực ASEAN từ năm 2009 [15]. Chương trình Hợp tác Thẩm định Sáng chế ASEAN là cơ chế kết nối trong hoạt động thẩm định đơn đăng ký sáng chế giữa các cơ quan quản lý về SHTT trong khối ASEAN, cho phép mỗi bên sử dụng kết quả tra cứu và thẩm định từ cơ quan thẩm định ở quốc gia thành viên khác.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền SHTT. Một hệ thống bảo hộ quyền SHTT hiệu quả và duy trì thực thi liên tục có vai trò rất quan trọng trong việc phổ biến và áp dụng công nghệ cho xã hội nói chung và đảm bảo sự an tâm cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nói riêng. Hiện nay, các biện pháp bảo vệ quyền SHTT khỏi các hành vi xâm phạm gồm: dân sự (khởi kiện vụ án dân sự), hành chính (hoạt động xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHTT của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền), hình sự (truy tố, xử lý về hình sự đối với các tội xâm phạm quyền SHTT), và kiểm soát biên giới (ngăn chặn hàng hóa nhập khẩu vi phạm quyền SHTT ngay tại biên giới). Trong đó, biện pháp dân sự là biện pháp hữu hiệu nhất vì nó phản ánh đúng bản chất của quyền SHTT là một quyền dân sự, và chủ sở hữu quyền SHTT có thể vừa ngăn chặn được hành vi xâm phạm vừa yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra. Đối với biện pháp hành chính, có thể nâng cao mức chế tài (phạt tiền) đối với những hành vi xâm phạm. Đồng thời, để bảo vệ quyền SHTT hữu hiệu, không những cần có một hệ thống pháp luật đầy đủ, mà còn phải có một hệ thống tư pháp dân sự, tư pháp hình sự và hệ thống cơ quan hành chính nhà nước có hiệu lực, hiệu quả, và cần nâng

cao nhận thức của toàn xã hội về bảo vệ quyền SHTT.

5. Kết luận

Pháp luật bảo hộ sáng chế đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hỗ trợ sự phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay cho thấy vẫn còn nhiều thách thức trong quá trình đăng ký, thực thi và khai thác sáng chế một cách hiệu quả. Để nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hộ sáng chế, cần có những cải cách về chính sách nhằm đơn giản hóa quy trình đăng ký, tăng cường cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp và nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật. Ngoài ra, việc nâng cao nhận thức và năng lực tiếp cận quyền SHTT sẽ góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế và khoa học - công nghệ trong bối cảnh hội nhập toàn cầu./

Tài liệu tham khảo

- [1] A. Nhi, Many Enterprises Meet Criteria but Do Not Register as Science and Technology Enterprises, <https://en.vneconomy.vn/nhieu-doanh-nghiep-du-tieu-chi-nhung-khong-dang-ky-thanh-doanh-nghiep-khoa-hoc-cong-nghe.htm>, 2023 (accessed on: August 19th, 2024) (in Vietnamese).
- [2] Government Electronic Newspaper, Venture Capital Attraction in Vietnam Has Gradually Recovered, <https://baochinhphu.vn/thu-hut-von-dau-tu-mao-hiem-tai-viet-nam-da-dan-tang-tro-lai-102231012144217998.htm>, 2023 (accessed on: August 19th, 2024) (in Vietnamese).
- [3] Intellectual Property Office of Vietnam, Vietnam Intellectual Property Activities Annual Report 2022, <https://ipvietnam.gov.vn/bao-cao-thuong-nien>, 2023 (accessed on: August 19th, 2024).
- [4] Intellectual Property Office of Vietnam, Vietnam Intellectual Property Activities Annual Report 2023, <https://ipvietnam.gov.vn/bao-cao-thuong-nien>, 2024 (accessed on: August 19th, 2024).
- [5] WIPO, Global Innovation Index 2024, https://www.wipo.int/global_innovation_index/en/2024/, 2024 ((accessed on: August 19th, 2024).
- [6] United States Patent and Trademark Office (USPTO), General Information Concerning Patents, <https://www.uspto.gov/patents-getting-started/general-information-concerning-patents>, 2021 accessed on: August 19th, 2024).
- [7] WIPO, World Intellectual Property Indicators 2020, https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_941_2020.pdf, 2020 accessed on: August 19th, 2024).
- [8] R. Boix-Domènech, P. Rausell-Köster, The Economic Impact of the Creative Industry in the European Union, https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-319-95261-1_2, 2018 accessed on: August 19th, 2024).
- [9] Property Rights Alliance, International Property Rights Index, <https://internationalpropertyrightsindex.org/#world-map>, 2025 (accessed on: January 19th, 2025).
- [10] Intellectual Property Office of Vietnam, Guidelines for Patent Application Submission, <https://ipvietnam.gov.vn/web/guest/sang-che-gphi>, 2024 (accessed on: August 19th, 2024) (in Vietnamese).
- [11] WIPO, PCT – The International Patent System, <https://www.wipo.int/pct/en/>, 2020 (accessed on: August 19th, 2024).
- [12] A. Dechezleprêtre, Fast-Tracking Green Patent Applications: An Empirical Analysis, ICTSD Programme on Innovation, Technology and Intellectual Property, International Centre for Trade and Sustainable Development, Issue Paper, No. 37, 2013, pp. 3.
- [13] E. Lane, Building the Global Green Patent Highway: A Proposal for International Harmonization of Green Technology Fast Track Programs, Berkeley Technology Law Journal, No. 27, 2012, pp. 50.
- [14] IPHOUSE & Associates, Notes for KIPO-IP Vietnam PPH Program Users, <http://iphouse.vn/notes-for-kipo-ip-vietnam-patent-prosecution-highway-pph-program-users/>, 2021 (accessed on: August 19th, 2024).
- [15] Intellectual Property Office of Vietnam, ASEAN Patent Examination Cooperation Program (ASPEC), https://www.ipvietnam.gov.vn/chuong-trinh-tham-inh-nhanh-sang-che-pph-aspec/-/asset_publisher/vTLYJq8Ak7Gm/content/chuong-trinh-hop-tac-tham-inh-sang-che-asean-aspe-2?inheritRedirect=false, 2019 ((accessed on: August 19th, 2024) (in Vietnamese).